



DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP PHÒNG VĂN TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC HUYỆN LẬP VÒ NĂM 2018

1. Phần pháp luật viên chức

+ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 (gồm: Chương I: Những quy định chung; Chương II: Quyền, nghĩa vụ của viên chức; Mục 2 Chương III: Hợp đồng làm việc; Chương IV: Quản lý viên chức);

+ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (gồm: Chương I: Những quy định chung; Mục 5 Chương II: Hợp đồng làm việc; Mục 3, Mục 4, Mục 5 Chương III: Đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, thôi việc và thủ tục nghỉ hưu).

2. Phần pháp luật về ngành Giáo dục và Đào tạo

2.1. Văn bản chung

+ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 năm 2005; Luật số 44/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2005 (gồm các mục: Giáo dục phổ thông; các Chương: Nhà giáo, Người học).

+ Thông tư số 05/2016/TT-BGDĐT ngày 21/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định thời gian tập sự theo chức danh nghề nghiệp giáo viên, giảng viên.

2.2. Chức danh giáo viên THCS

+ Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (gồm: Chương I: Quy định chung; Chương III: Chương trình giáo dục và hoạt động giáo dục; Chương IV: Giáo viên; Chương V: Học sinh).

+ Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22/10/2009 ban hành Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông;

+ Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông (*ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 23/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

+ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

+ Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT (ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

+ Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập.

2.3. Chức danh giáo viên tiểu học

+ Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 22/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hợp nhất Điều lệ trường tiểu học (gồm: Chương I: Quy định chung; Chương III: Chương trình giáo dục và hoạt động giáo dục; Chương IV: Giáo viên; Chương V: Học sinh).

+ Quyết định số 14/2007/QĐ-BGDĐT ngày 04/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

+ Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông (ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 23/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

+ Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập.

2.4. Chức danh giáo viên mầm non

+ Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Trường mầm non (gồm: Chương I: Quy định chung; Chương III: Chương trình và các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; Chương V: Giáo viên và nhân viên; Chương VI: Trẻ em).

+ Quyết định số 02/2008/QĐ-BGDĐT ngày 22/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;

+ Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

+ Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non công lập.

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG